TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **191**/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 11 tháng 4 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Ông La Hữu T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 23/111 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 23/111 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông La Hữu T và Bà Trần Thị Kim D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là La Hữu Minh N, sinh ngày 03/11/1992 và La Nhật Q, sinh ngày 16/12/1996. Hiện nay chị La Hữu Minh N và anh La Nhật Q đã trưởng thành. Ông La Hữu T và Bà Trần Thị Kim D không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông La Hữu T và Bà Trần Thị Kim D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông La Hữu T và Bà Trần Thị Kim D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà Ông T, bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/004602 ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông T, bà D đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường A;
(ĐKKH số 136, ngày 11/10/2002)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi